

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-6-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Tiến Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Lê Thủy -
Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1991

HKTT: Thôn Y, xã Th, huyện H, tỉnh TH.

Chỗ ở hiện nay: SN 67 B, xã Đ, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Y, xã Th, huyện H, tỉnh TH.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), vắng mặt anh Q (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản khác, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh TH ngày 21/12/2020. Sau khi kết hôn về chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm gì đối với gia đình. Tình trạng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên từ tháng 10/2022 chị và anh Q đã sống ly thân không còn quan tâm qua lại gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng anh Đỗ Xuân Q đều vắng mặt không có lý do.

Xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp được biết: Chị L và anh Q kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Lộc, huyện H. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn nhưng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, không còn quan tâm qua lại gì với nhau; Anh Q đang cư trú tại địa phương, đã biết Tòa án thụ lý và triệu tập làm việc nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại các Điều 28, 35 BLTTDS: Thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS nhân dân và các đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Xuân Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã giao giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Q nhưng quá trình làm việc và tại phiên tòa anh Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS đề nghị xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thùy L và anh Đỗ Xuân Q.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.
- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Xuân Q có địa chỉ thường trú tại thôn Y, xã Th, huyện H, tỉnh TH. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Thùy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đỗ Xuân Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần để giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Q đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L và anh Đỗ Xuân Q đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Th, huyện H ngày 21/12/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L trình bày do, bất đồng về quan điểm sống, sau khi kết hôn về chung sống nhưng hôn nhân không hạnh phúc, anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 không còn qua lại, tình cảm trách nhiệm gì đến nhau. Anh Q biết việc Tòa án thụ lý và triệu tập làm việc nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị L. Căn cứ Điều 92 BLTTDS xác định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, **khoản 4 Điều 147**, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Vắng mặt chị Lê Thị Thùy L và anh Đỗ Xuân Q.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Đỗ Xuân Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005207 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh TH.

Chị Lê Thị Thùy L, anh Đỗ Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án (hoặc) bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H. H;
- UBND xã Th;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Sang

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Sang